

Bản án số: 20/ 2021/ HNGĐ - ST

Ngày: 17 - 8 - 2021

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thân

Bà Nguyễn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Bằng Thị Kim Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đại Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/ 2021/ TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/ 2021/ QĐXX-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Bùi Tiến H, sinh năm 1984; trú tại: Tổ 2B, phường P, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên (*Có mặt*);

2. *Bị đơn:* Chị Hà Thị Q, sinh năm 1988; trú tại: Tổ 2B, phường P, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên (*Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn anh Bùi Tiến H trình bày: Anh H và chị Hà Thị Q kết hôn năm 2016 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phố Cò, thành phố Sông Công. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không hòa hợp, ly thân đến nay đã được gần một năm. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn chị Q. Về con chung, anh H và chị Q có 01 con chung là Bùi Ngọc C, sinh ngày 21/12/2016, anh H

yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu C, không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và công nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Hà Thị Q khai về quá trình chị và anh H kết hôn, chung sống, mâu thuẫn, ly thân và đã có một con chung như anh H đã trình bày. Chị Q cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, đồng ý ly hôn anh H. Về con chung, chị Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu C, yêu cầu anh H đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/01 tháng. Về tài sản chung và công nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do đây là vụ án hôn nhân và gia đình có tranh chấp liên quan đến người chưa thành niên. Theo quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ xác định nguyên nhân tranh chấp, về khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, thu nhập của các bên đương sự. Anh H có văn bản trình bày, hiện anh đang làm bảo vệ kho của gia đình ở thị xã Phổ Yên, thu nhập 3.000.000 đồng/ 01 tháng, điều kiện ăn ở sinh hoạt bình thường. Về phía chị Q qua lời khai thể hiện, hiện chị Q đang làm việc tại Trang trại nuôi lợn của bố chồng (bố đẻ anh H) tại xóm Đàm Mương 5, xã Minh Đức, thị xã Phổ Yên, thu nhập 6.500.000 đồng/ 01 tháng, điều kiện ăn ở sinh hoạt ổn định.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chị Q không đến tham gia hoà giải, anh H có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải. Vụ án không tiến hành hòa giải được, phải đưa ra xét xử tại phiên tòa công khai.

Chị Q có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa, anh H giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn chị Q. Về con chung, anh H xác định cháu C từ trước đến nay vẫn ở cùng chị Q, anh H thay đổi ý kiến, đề nghị giao cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu C, anh H đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Q 500.000 đồng/ 01 tháng. Về tài sản chung và nợ chung, anh H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh H được ly hôn chị Q, giao cho chị Q được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu C, anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Q 1.500.000 đồng/ 01 tháng; đề nghị buộc anh H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân gia đình và gia đình về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”. Bị đơn cư trú tại thành phố Sông Công, theo quy định tại Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên. Tại phiên tòa vắng

mặt bị đơn là chị Q, tuy nhiên chị Q đã có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với bị đơn Hà Thị Q.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Bùi Tiến H và chị Hà Thị Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo anh H và chị Q trình bày, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không thể hòa hợp, ly thân đến nay đã gần 01 năm. Anh H xin ly hôn, chị Q đồng ý. Như vậy, đã có sự vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ vợ chồng, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của anh H được ly hôn chị Q, cũng là phù hợp với ý kiến của bị đơn Hà Thị Q.

2.2. *Về con chung:* Anh H và chị Q có 01 con chung là Bùi Ngọc C, sinh ngày 21/12/2016. Chị Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu C, tại phiên tòa anh H cũng có ý kiến đề nghị giao cho chị Q là người đang nuôi dưỡng, chăm sóc cháu C được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu. Qua các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được và ý kiến trình bày của anh H, chị Q thể hiện, hiện tại cháu C đang ở cùng chị Q, cuộc sống của cháu ổn định, chị Q có đủ điều kiện về kinh tế, chỗ ở,... đảm bảo khả năng nuôi dưỡng con chung, nên giao cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu C là phù hợp. Anh H được quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị Q yêu cầu anh H đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/01 tháng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”, cần buộc anh H phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Q, tuy nhiên mức cấp dưỡng theo yêu cầu chị Q là quá cao, Hội đồng xét xử cân nhắc buộc anh H đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Q, mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/ 01 tháng là phù hợp với khả năng thu nhập của anh H.

2.3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Cả anh H và chị Q đều không yêu cầu chia tài sản và xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Không xem xét.

2.4. *Về án phí:* Anh H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, ngoài ra anh H còn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo mức án phí dân sự không có giá ngạch.

2.5. *Về quyền kháng cáo:* Anh H và chị Q được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát xác định, quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án, Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu của anh H được ly hôn chị Q, giao cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu C, anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Q là có căn cứ, tuy nhiên đề nghị mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng/ 01 tháng là cao so với mức thu nhập hằng tháng của anh H; ngoài ra đại diện Viện kiểm sát đề nghị buộc anh H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con chung là đúng quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228, 235, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật Thi hành án dân sự; Luật Phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/ NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Bùi Tiến H được ly hôn chị Hà Thị Q.

2. Về con chung: Giao cho chị Hà Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Bùi Ngọc C, sinh ngày 21/12/2016. Anh H được quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc anh Bùi Tiến H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Bùi Ngọc C cho chị Q, mức cấp dưỡng 1.000.000đ (*một triệu đồng*)/ 01 tháng, kể từ tháng 8/2021 cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị Q có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh H chậm thanh toán còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Cả anh H và chị Q đều không yêu cầu chia tài sản chung và xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Không xem xét.

4. Về án phí: Anh Bùi Tiến H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm (*được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008155 ngày 22/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên*) và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung, nộp vào Ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn là anh Bùi Tiến H, vắng mặt bị đơn là chị Hà Thị Q. Báo cho anh H biết, được quyền

kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Q được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TP. Sông Công;
- UBND phường Phố Cò;
- Chi cục THA DS TP. Sông Công;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Dương Văn Phong